

Số: 885 /QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 5 năm 2013

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường năng lực quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2013-2015**

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 19/2/2012 của Chính phủ quy định cơ quan được giao chức năng thực hiện thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 30/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường năng lực quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản và muối giai đoạn 2011-2015;

Xét Tờ trình số 54/TTr-SNN ngày 06/5/2013 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lâm Đồng về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch thực hiện đề án tăng cường năng lực quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2013-2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại văn bản thẩm định số 669/STC-HCSN ngày 22 tháng 3 năm 2013,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường năng lực quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2013-2015 với những nội dung chủ yếu sau:

**I. Phạm vi thực hiện:** Trên địa bàn các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

#### **II. Mục tiêu:**

1. Kiện toàn và nâng cao năng lực của hệ thống bộ máy quản lý nhà nước, hệ thống kiểm soát về chất lượng và an toàn thực phẩm từ tỉnh đến các địa phương;

2. Hoàn thiện các văn bản qui phạm pháp luật của địa phương và cập nhật hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật của Trung ương về quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm đối với nông lâm thủy sản phục vụ cho công tác quản lý của các địa phương trong tỉnh;

3. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu quản lý và hội nhập trong giai đoạn mới;

### III. Nhiệm vụ:

1. Kiện toàn, củng cố bộ máy tổ chức quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản từ tỉnh đến các địa phương trong tỉnh:

- Kiện toàn bộ máy, cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản của tỉnh, theo hướng quản lý thống nhất từ trang trại đến bàn ăn theo từng chuỗi ngành hàng thuộc trách nhiệm quản lý của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Xây dựng khung định biên nhân lực theo vị trí việc làm và bổ sung đủ biên chế cho hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản ở tỉnh và các địa phương trong tỉnh. Đến cuối năm 2013 toàn tỉnh có 41 cán bộ và đến năm 2015 toàn tỉnh có 47 cán bộ làm công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm chuyên trách;

- Xây dựng cơ chế điều phối, phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các địa phương;

- Phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản cho Ủy ban nhân dân các cấp huyện, xã;

2. Đào tạo nâng cao trình độ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản của cấp tỉnh, huyện và xã:

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn về chế độ chính sách, pháp luật và nghiệp vụ quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn cấp tỉnh;

- Tổng nhu cầu đào tạo, tập huấn cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã hàng năm từ 340 lượt người, trong đó đào tạo trên đại học 4 người, đào tạo từ 2- 4 tháng chuyên về quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản là khoảng 31 lượt người/năm, tập huấn 305 lượt người.

3. Xây dựng và nâng cao hiệu quả, cơ chế phối hợp kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm từ tỉnh đến các địa phương và lực lượng xã hội hóa:

- Đánh giá hiện trạng hệ thống kiểm soát và cơ chế kiểm soát chất lượng nông lâm sản và thủy sản hiện nay, đề xuất cơ chế và hệ thống kiểm soát chất lượng nông lâm sản và thủy sản phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của tỉnh;

- Kiện toàn hệ thống cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra chuyên ngành và lực lượng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra chuyên ngành chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm sản và thủy sản ở các Chi cục và Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương theo Luật An toàn thực phẩm và Luật Thanh tra;

- Xây dựng qui trình kiểm soát (giám sát, kiểm tra, thanh tra, đánh giá), truyền thông, cảnh báo nguy cơ an toàn thực phẩm nông lâm sản và thủy sản theo từng ngành hàng, chuỗi an toàn thực phẩm;

- Xây dựng các chương trình giám sát an toàn thực phẩm theo chuỗi sản xuất kinh doanh ngành hàng (giám sát an toàn thực phẩm rau, chè, cà phê, thịt, sữa tươi nguyên liệu, gia cầm, thủy sản....);

- Xây dựng mô hình phối hợp kiểm soát giữa cơ quan quản lý nhà nước với lực lượng xã hội hoá.

4. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật địa phương và cập nhật văn bản của Trung ương.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật của địa phương để thi hành Luật An toàn thực phẩm;

- Cập nhật và phát hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật của trung ương và địa phương về quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm đối với nông lâm thủy sản để cung cấp cho các địa phương trong tỉnh thực hiện;

- Rà soát, xây dựng mới các quy chuẩn kỹ thuật của các loại sản phẩm đặc thù của địa phương .

5. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ quản lý, giám sát về an toàn thực phẩm:

- Đầu tư, xây dựng mới phòng kiểm nghiệm chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm sản và thủy sản thuộc Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản;

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật khác phục vụ cho công tác quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, nâng cao khả năng cảnh báo nguy cơ về chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên phạm vi toàn tỉnh.

#### **IV. Các giải pháp chủ yếu:**

##### **1. Về cơ chế chính sách:**

- Đề xuất cơ chế tài chính phù hợp với đặc thù của hệ thống quản lý, kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản theo hướng kết hợp hài hòa các nguồn lực, kết hợp việc thu phí và lệ phí với nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước;

- Xây dựng và ban hành chính sách khuyến khích việc xã hội hoá công tác đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm theo hướng mở rộng mô hình hợp tác công tư, khuyến khích đầu tư của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, tư nhân, cổ phần cho các dịch vụ tư vấn, đào tạo, chứng nhận, kiểm nghiệm;

- Hoàn chỉnh biên chế nhân lực theo vị trí việc làm cho hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản ở tỉnh và các địa phương trong tỉnh.

##### **2. Phân cấp công tác kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản:**

- Xây dựng lực lượng kiểm soát an toàn thực phẩm của các địa phương, đồng thời có chế tài để các cơ sở sản xuất tăng cường công tác tự kiểm soát, giám sát các khâu trong quá trình sản xuất;

- Thực hiện việc phân cấp quản lý, kiểm soát cho địa phương theo hướng cấp tỉnh quản lý các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh lớn, do cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cấp huyện quản lý các cơ sở do cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cấp xã quản lý các cơ sở sản xuất, hộ nông dân, hộ tiểu thương kinh doanh nhỏ lẻ và tăng cường sự tham gia của các lực lượng xã hội;

- Bố trí cán bộ chuyên trách công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản ở Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thành phố. Đào tạo và giao nhiệm vụ quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản cho Ban Nông nghiệp, cán bộ thú y, bảo vệ thực vật, khuyến nông cấp xã. Nghiên cứu mô hình công tác viên giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản ở cấp huyện/xã;

- Xây dựng mô hình quản lý và kiểm soát từ cơ sở sản xuất;

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các phòng kiểm nghiệm, cung ứng dịch vụ tư vấn, đào tạo, chứng nhận;

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm sản và thủy sản.

### 3. Đào tạo nguồn nhân lực:

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài đối với công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm;

- Thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho công chức quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ về các chính sách, qui định mới có liên quan;

- Tăng cường tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ngắn ngày cho cán bộ chuyên trách ở cấp huyện, xã và các đối tượng là lực lượng kiểm soát, nhân viên, cán bộ làm việc tại các cơ sở sản xuất.

### 4. Cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin:

- Xây dựng và đưa vào hoạt động cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đảm bảo thông tin để chỉ đạo, điều hành và phục vụ công tác quản lý nhanh, chính xác;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp;

- Xây dựng hệ thống ISO về thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản, nhất là các lĩnh vực: Truy xuất nguồn gốc; cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về ATTP; cấp giấy chứng nhận về quảng cáo thực phẩm.

### V. Kinh phí thực hiện:

Tổng nhu cầu vốn: 15.660 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 6.264 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 5.794 triệu đồng;
- Vốn khác: 3.602 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực và điều phối thực hiện Kế hoạch, có trách nhiệm:

- Xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm để triển khai thực hiện.
- Tham mưu đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước.
- Hướng dẫn, theo dõi và tổng hợp tình hình thực hiện tại các địa phương. Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm quá trình triển khai thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính cân đối kế hoạch ngân sách Nhà nước hàng năm, tham mưu lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án liên quan, đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Nội vụ xem xét, cân đối chỉ tiêu biên chế hàng năm cho các cơ quan quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản từ tỉnh đến các địa phương;

4. UBND các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp và đảm bảo tính hiệu quả của kế hoạch tại địa phương.

5. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo điều kiện về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, xây dựng cơ chế tự kiểm soát an toàn thực phẩm nội bộ tại cơ sở mình theo đúng qui định của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đoàn thể, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

*Nơi nhận :*

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT TU, TT UBND tỉnh.;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- LĐVP;CV;TC,KH;
- Website VP;
- Lưu:VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

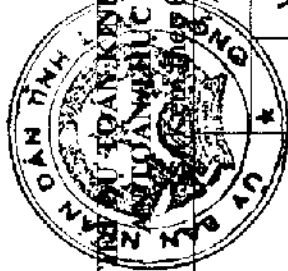


**Phạm S**

**Phụ lục I: CHI TIẾT SỰ TOÁN KINH PHÍ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2013 - 2015**

Đơn vị: triệu đồng

Quyết định số 885 /QĐ-UBND ngày 10 / 5 /2013 của UBND tỉnh



STT	Diễn giải	Năm 2013				Năm 2014				Năm 2015			Ghi chú				
		Cộng	Vốn NSTW	Vốn NSDP	Vốn khác	Cộng	Vốn NSTW	Vốn NSDP	Vốn khác	Cộng	Vốn NSTW	Vốn NSDP		Vốn khác			
<b>A</b>	<b>NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>11.560</b>	<b>4.624</b>	<b>4.277</b>	<b>2.659</b>	<b>2.540</b>	<b>1.016</b>	<b>940</b>	<b>584</b>	<b>4.080</b>	<b>1.632</b>	<b>1.510</b>	<b>938</b>	<b>4.940</b>	<b>1.976</b>	<b>1.828</b>	<b>1.136</b>
1	Thiết bị phân tích nhanh dư lượng thuốc BVTV và hormone trên thịt	235	94	87	54	70	28	26	16	80	32	30	18	85	34	31	20
2	Thiết bị phân tích, kiểm nghiệm vi sinh vật trên nông sản, thực phẩm	1.135	454	420	261	300	120	111	69	400	160	148	92	435	174	161	100
3	Thiết bị phân tích định lượng, dư lượng thuốc BVTV, kim loại nặng, Nitrat trên nông sản và hormone	9.740	3.896	3.604	2.240	2.000	800	740	460	3.500	1.400	1.295	805	4.240	1.696	1.569	975
4	Thiết bị phân tích, kiểm nghiệm kháng sinh	380	152	141	87	100	40	37	23	100	40	37	23	180	72	67	41
5	Trang thiết bị phục vụ cho phòng phân tích	70	28	26	16	70	28	26	16								
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP</b>	<b>4.100</b>	<b>1.640</b>	<b>1.517</b>	<b>943</b>	<b>1.100</b>	<b>440</b>	<b>407</b>	<b>253</b>	<b>1.600</b>	<b>640</b>	<b>592</b>	<b>368</b>	<b>1.400</b>	<b>560</b>	<b>518</b>	<b>322</b>
I	Xây dựng và nâng cao tiêu quá hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm từ tỉnh đến các địa phương và cơ sở sản xuất	1.100	440	407	253	350	140	130	81	500	200	185	115	250	100	93	58
1	Đánh giá hiện trạng hệ thống kiểm soát chất lượng của các doanh nghiệp	200	80	74	46	100	40	37	23	100	40	37	23				
2	Thực hiện quy trình đánh giá, truyền thông, cảnh báo nguy cơ an toàn thực phẩm	600	240	222	138	150	60	56	35	300	120	111	69	150	60	56	35
	- Khảo sát điều tra sản phẩm mới an toàn	400	160	148	92	100	40	37	23	150	60	56	35	150	60	56	35
	- Xây dựng quy trình truyền thông, cảnh báo mất an toàn thực phẩm	200	80	74	46	50	20	19	12	150	60	56	35				
3	Xây dựng mô hình phối hợp kiểm soát	300	120	111	69	100	40	37	23	100	40	37	23	100	40	37	23
<b>II</b>	<b>Đào tạo, tập huấn</b>	<b>3.000</b>	<b>1.200</b>	<b>1.110</b>	<b>690</b>	<b>750</b>	<b>300</b>	<b>278</b>	<b>173</b>	<b>1.100</b>	<b>440</b>	<b>407</b>	<b>253</b>	<b>1.150</b>	<b>460</b>	<b>426</b>	<b>265</b>
I	Đào tạo	1.300	520	481	299	250	100	93	58	600	240	222	138	450	180	167	104
	- Đào tạo sau đại học	250	100	93	58	50	20	19	12	100	40	37	23	100	40	37	23
	- Đào tạo ngắn hạn	1.050	420	389	242	200	80	74	46	500	200	185	115	350	140	130	81
2	Tập huấn	1.700	680	629	391	500	200	185	115	500	200	185	115	700	280	259	161
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.660</b>	<b>6.264</b>	<b>5.794</b>	<b>3.602</b>	<b>3.640</b>	<b>1.456</b>	<b>1.347</b>	<b>837</b>	<b>5.680</b>	<b>2.272</b>	<b>2.102</b>	<b>1.306</b>	<b>6.340</b>	<b>2.536</b>	<b>2.346</b>	<b>1.458</b>